

MỘT CÁCH ĐỌC KHÁC VỀ MARTIN LUTHER

Vũ Văn An
15/May/2021

Tạp chí First Things, tháng 3 năm 1996, đăng tải một bài nhận định của David. S. Yeago, Phó Giáo Sư Thần học Hệ thống tại Chung viện Thần học Luthêrô Miền Nam ở Columbia, South Carolina. Tác giả đưa ra một cách đọc khác về Martin Luther và coi ông là người một người trung thành với truyền thống Công Giáo. Chúng tôi chuyển ngữ bài này để bạn đọc rộng đường phán đoán (nguyên văn có thể đọc tại <https://www.firstthings.com/article/1996/03/the-catholic-luther>):



I. Những người theo chủ nghĩa hoài nghi đại kết ngày nay thường tranh luận rằng sự hội tụ tín lý được cho là giữa người Thệ phản và Công Giáo Rôma chỉ phủ giầy lên sự bất đồng nằm ở bên dưới — và có tính căn bản —. Một cách đặc trưng, Martin Luther được gọi là nhân chứng chính cho cuộc tranh cãi này: há không phải cuộc ly giáo Cải cách bắt đầu bằng “bước đột phá” thần học của ông, việc ông bác bỏ có nguyên tắc hình thức “Công Giáo” của Kitô giáo nói chung hay sao; Tuy nhiên, việc khảo sát cẩn thận những gì Luther thực sự viết và nói, gọi cho chúng ta những kết luận rất khác, có thể gây ngạc nhiên cho cả những người Thệ phản lẫn người Công Giáo Rôma.

Trong điều có thể được gọi là cách đọc tiêu chuẩn của Thệ phản, Luther tuổi trẻ là một người bị ám ảnh bởi một câu hỏi mà đạo Công Giáo truyền thống không thể đưa ra câu trả lời: *Làm thế nào tôi có thể có được một Thiên Chúa nhân từ?* Câu hỏi này nảy sinh từ cái nhìn sâu sắc về tôn giáo hoặc hiện sinh của Luther đối với tính không chân chính của mọi việc làm của con người trước mặt Thiên Chúa — một tính không chân chính bị phủ nhận một cách có hệ thống bởi các nghi lễ bí tích, đức tin giáo điều và khát vọng huyền nhiệm của Kitô giáo truyền thống.

Một số học giả tin rằng Luther tìm ra câu trả lời khác biệt của mình cho câu hỏi này từ rất sớm và sự phát triển của ông như một nhà thần học chủ yếu là vấn đề đưa khám phá của ông đến một biểu thức đủ thân thiết này là cuối cùng nó đã kích động cuộc xung đột không thể nào tránh khỏi. Tuy nhiên, kể từ sau Thế Chiến hai, hầu hết các học giả đã tiến tới chỗ tin rằng Luther chỉ tìm thấy câu trả lời vào năm 1518, sau khi cuộc tranh cãi về ân xá đã được tiến hành. Cuộc vật lộn của Luther với câu hỏi *Làm thế nào tôi có thể có được một Thiên Chúa nhân từ?* đã tấn công vào tận gốc rễ của Kitô giáo truyền thống, và sự kiên trì của ông trong việc hỏi về nó đủ để gây ra những khó khăn ban đầu của ông với các thẩm quyền Giáo hội. Nhưng chỉ vào năm 1518 - khi ông gặp đại diện của Đức Giáo Hoàng Cajetan và không chịu công khai từ bỏ quan điểm - thì bản viết tay 95 luận đề mới được ghi trên cửa nhà thờ

Wittenberg; Luther không thể sống trong ngôi nhà của truyền thống Công Giáo nữa.

Các học giả nhìn thấy điều gì đó có ý nghĩa quyết định xảy ra với tư tưởng của Luther vào năm 1518, đối với tôi, dường như họ nắm rõ nhất điều đó. Nhưng trong cả hai trường hợp, “Đột phá Cải cách” của Luther được ngầm hiểu là việc tái tạo Kitô giáo, ngang hàng với Lễ Ngũ tuần, trong các phương diện quan trọng. Hầu hết những nhà giải thích Luther không cảm thấy thoải mái nói đến điều này nhiều, nhưng rõ ràng nó được ngụ ý qua câu chuyện họ kể. Thí dụ, Luther được cho là đã “khám phá lại Tin Mừng”, điều này chắc chắn ngụ ý muốn nói rằng, cách nào đó, Tin Mừng đã bị thất lạc. Và mạc khải của Tin Mừng là gì nếu không phải là sự thành lập Kitô giáo và Giáo hội?

Cách Thệ phản đọc câu chuyện của Luther ngụ ý thêm rằng Luther không có mối liên hệ đáng kể nào với truyền thống Kitô giáo trước đó: Bước đột phá của Luther diễn ra trong một cuộc gặp gỡ lịch sử, không qua trung gian nào với sơ truyền (kerygma) Phaolô thuần túy. Người ta cho rằng Luther nói điều gì đó hoàn toàn không tương thích với bất cứ điều gì được nói ra trong Giáo hội kể từ cái chết của Thánh Phaolô (có lẽ ngoại trừ một vài ý niệm mơ hồ của Thánh Augustinô). Truyền thống Công Giáo chỉ xuất hiện trong câu chuyện như điều Luther phải vượt qua để khám phá lại Tin Mừng. Như thế, những người quan tâm đến Luther có rất ít lý do để quan tâm đến truyền thống, là thứ — trong tư cách “chủ nghĩa kinh viện”, “huyền nhiệm học” hay “giáo điều truyền thống” — hầu như chỉ được dùng để làm nổi bật “khám phá” của Luther.

Hệ luận cuối cùng của cách đọc Luther này quan trọng nhất và cũng gây rắc rối nhất: cuộc ly giáo Thệ phản / Công Giáo vào thế kỷ thứ mười sáu được hiểu là kết quả công khai hợp luận lý, không thể tránh khỏi và cần thiết của sự phát triển thần học của Luther. Vì Kitô giáo truyền thống không thể chấp nhận câu hỏi của Luther, càng không thể chấp nhận câu trả lời của ông, hiên nhiên đức tin mới của ông đòi một Giáo Hội mới. Không có phép lịch thiệp đại kết nào có thể thay đổi sự kiện này là, trong kiểu đọc Luther này, trên thực tế, hai bên của cuộc ly giáo này đã thực hành các tôn giáo khác nhau. Cách kể câu chuyện của Luther này khá thận trọng về hậu quả của nó, mặc dù nó cho thấy Luther là một người cấp tiến, vì nó làm cho sự chia rẽ của Giáo hội hiện nay dường như là chuyện bình thường và không thể tránh khỏi đối với chúng ta.

Việc đọc Luther mà tôi đề xuất kể một câu chuyện hoàn toàn khác. Mặc dù một điều gì đó quan trọng đối với sự phát triển thần học của Luther đã xảy ra vào năm 1518, nhưng nó không phải là một “cuộc cải cách quay lưng lại” với truyền thống Công Giáo. Ngược lại, nó được mô tả tốt hơn như một “bước ngoặt Công Giáo” đã gắn kết công việc của Luther một cách vững chắc hơn nhiều trong khuôn khổ Kitô giáo Công Giáo. Thần học của Luther được định hình sâu sắc bởi những nền thần học kinh viện, đơn tu và giáo phụ trước ông; ông có óc sáng tạo, nhưng óc sáng tạo của ông đặc biệt nằm ở việc ông nắm bắt mới mẻ các vấn đề truyền thống và trong việc ông sử dụng đầy cạnh tân các nguồn lực truyền thống để giải quyết những vấn đề đó.

Tất nhiên, nếu tất cả những điều này là như vậy, chúng ta không còn có thể cho rằng những người Cải cách đã khám phá ra một phiên bản hoàn toàn mới của Kitô giáo mà Giáo Hội cũ vốn không dành chỗ cho. Trong cách đọc do tôi đề nghị, cuộc ly giáo của Cải cách được phát sinh bởi những lựa chọn ngẫu nhiên của con người trong một bối cảnh lịch sử rắc rối ít được định nghĩa bằng lập luận thần học rõ ràng và có nguyên tắc (mặc dù dĩ nhiên điều này có hiện diện) hơn là bằng một sự phối hợp đặc thù và khác biệt của thế kỷ XVI của cuộc bút chiến quá nóng bỏng và không ngừng leo thang, một thứ *Realpolitik* lạnh lùng và mơ màng cuồng

nhiệt về ngày chung tận.

II. Nếu xem xét kỹ những gì Luther thực sự đã viết trước năm 1518 (phân biệt với những hồi tưởng của ông hai mươi hoặc hai mươi lăm năm sau), người ta phát hiện ra rằng câu hỏi nổi tiếng "Làm thế nào tôi có thể có được một vị Chúa nhân từ?" vắng mặt một cách rõ ràng. Điều đó có nghĩa là, vấn đề chính trong nền thần học ban đầu của Luther, xét về bề mặt của nó, không phải là vấn đề về sự đảm bảo được ơn tha thứ hay sự chắc chắn được ơn cứu rỗi.

Trong Giáo hội cuối thời trung cổ, chắc chắn là có vấn đề mục vụ về "luơng tâm bôi rối", được đưa ra – nói một cách đơn giản - bởi sự hội tụ của một số vấn đề chưa được giải quyết trong nền thần học ơn thánh của Thánh Augustinô với những phát triển nào đó trong giáo luật về việc đền tội (penance). Nhưng "luơng tâm bôi rối" không bao giờ là một tình trạng bất ổn tâm linh đơn giản và độc dạng, và nó mang nhiều hình thức khác nhau trong các bối cảnh mục vụ và thần học khác nhau. Luther hồi trẻ hầu như chắc chắn đã mắc phải "luơng tâm bôi rối" ở một số hình thức, nhưng hiển nhiên điều đó không khiến công việc thần học của ông bị chi phối bởi câu hỏi, "Làm thế nào tôi có thể có được một Đức Chúa Trời nhân từ?"

Thực tế, câu hỏi chính trong nền thần học ban đầu của Luther là "*Tôi có thể tìm thấy Thiên Chúa thật ở đâu?*" Mọi bằng chứng trong các bản văn cho thấy chính mối đe dọa của việc thờ ngẫu tượng, chứ không phải sự khao khát được đảm bảo ơn tha thứ, đã khiến luơng tâm của Luther gặp bôi rối. Và câu hỏi này, như một số nhà giải thích Luther đã háo hức muốn tin, đã không phá vỡ khuôn khổ của Kitô giáo truyền thống; cả câu hỏi và câu trả lời cuối cùng của Luther đều định vị ông trong truyền thống Công Giáo.

Ở tâm điểm, nền thần học ban đầu của Luther được đánh dấu bởi việc nhấn mạnh nhiều vào điều mà các nhà kinh viện gọi là ơn thánh vô tạo (uncreated grace), tức ơn thánh hiểu như sự hiện hữu của Thiên Chúa vô tạo, và vào việc Thiên Chúa biến đổi trái tim con người trong sự siêu việt hoàn toàn của Ngôi vị Thiên Chúa của Người. Phần lớn việc chỉ trích Luther tập chú vào cách trong đó nền thần học đương thời đã tự nhiên hóa ơn thánh, làm giảm tác động biến đổi hoàn toàn và chắc chắn gây đứt đoạn của nó. Trong điều này, Luther không phá vỡ truyền thống Công Giáo, nhưng tìm lại truyền thống một cách hữu thức, đóng góp những hiểu biết sâu sắc nhất về thánh Augustinô và các bậc thầy đơn tu vĩ đại vào nền kinh viện lúc ấy vốn xa rời gốc rễ của chính nó.

Theo truyền thống Augustinô và Luther hồi trẻ, hậu quả của ơn thánh biến đổi triệt để như vậy là: trái tim yêu mến Thiên Chúa trên hết mọi sự vì chính Người; theo thuật ngữ của Thánh Augustinô, chúng ta đến để hưởng Thiên Chúa và sử dụng những sự vật được tạo dựng vì Thiên Chúa, hơn là cố gắng "sử dụng" Thiên Chúa vì lợi ích được vui hưởng các tạo vật.

Các nền thần học Augustinô thuộc loại này thường xuyên đưa ra một vấn đề hiện sinh có tiềm năng gây giày vò (tormenting) liên quan đến tính chân chính của kinh nghiệm tâm linh. Có lẽ tôi đã trải qua một kinh nghiệm hoán cải và biến đổi sâu sắc; nhưng tôi có chắc chắn tôi đã thực sự trải nghiệm sự hiện diện của Thánh Thần Thiên Chúa hay không? Và ngay cả khi tôi đã thực sự cảm nghiệm được ơn thánh của Thiên Chúa, thì thời điểm tôi bắt đầu coi ơn thánh như một điều tôi có thể sử dụng, tôi đã quay lưng lại với Thiên Chúa và thay vào một ngẫu tượng do chính tôi tạo ra. Vấn đề "tình yêu Thiên Chúa tình rỗng" và vấn đề nhận diện và hướng về Thiên Chúa đích thực hoá ra là cùng một vấn đề.

Luther nhận thức sâu sắc phép biện chứng truyền thống của Thánh Augustinô về vấn đề này,

và giải quyết chúng một cách cẩn thận trong Bài giảng về Thư Rôma (1515–1516). Được biết đến nhiều nhất là mô tả của ông về tội nhân như một *incurvatus in se*, “người tự uốn cong vào chính mình”: Bản chất chúng ta, bởi sự sa đọa của tội nguyên tổ, bị uốn cong sâu xa đến nỗi nó không những bẻ cong các ơn phúc tốt nhất của Thiên Chúa vào chính nó và tận hưởng chúng (như rõ ràng nơi những người công chính nhờ việc làm và đạo đức giả), hoặc thậm chí sử dụng chính Thiên Chúa để đạt được những ơn phúc này, nhưng nó lại không nhận ra rằng nó mưu tìm mọi sự, kể cả Thiên Chúa, một cách rất gian ác, cong queo và xấu xa, vì lợi ích riêng của nó.

Chiến lược đầu tiên của Luther để giải quyết vấn đề tự mưu cầu đầy tính ngẫu tượng này, lần đầu tiên được khai triển trong Bài giảng về Thư Rôma, sử dụng điều có thể gọi là chiến lược mâu thuẫn (*contariety*). Đó là một động thái thần học rất chuyên biệt, rất đơn giản, và sáng chói một cách ngang ngạnh. Làm thế nào chúng ta có thể nói rằng chúng ta thực sự bám vào Thiên Chúa chứ không phải một ngẫu tượng của riêng mình? Luther trả lời rằng sự hiện diện nhân từ của Thiên Chúa chân thật là một điều vô cùng đau đớn và ghê tởm đối với bản chất của chúng ta, đến nỗi chúng ta không có động lực nào có thể tưởng tượng được để tự thúc đẩy mình chịu đựng nó.

Cho nên, Thiên Chúa thượng trí, sau khi công chính hóa và ban các ơn phúc thiêng liêng của Người, kéo bản tính vô thần đó vào lấy chúng để hưởng thụ chúng (vì chúng rất đáng yêu và mạnh mẽ kích thích con người hưởng thụ), ngay lập tức mang đến hoạn nạn, các phiền khổ và thử thách, kéo người đó tiêu vong đời đời bởi sự ngu dốt như vậy. Vì, con người học được việc yêu mến và thờ phượng Thiên Chúa một cách thuần túy, khi họ thờ phượng Người không phải vì ơn thánh và các ơn phúc của Người, mà chỉ vì chính Người mà thôi.

Vấn đề là chúng ta không muốn đến trước nhan Thiên Chúa vì chính Người, nhưng vì lợi ích mọi điều tốt lành Người có thể ban cho chúng ta: chúng ta muốn sử dụng Thiên Chúa. Và Luther trả lời: Nếu đó thực sự là Thiên Chúa, thì Người sẽ đóng đinh và tra tấn bạn như Người đã làm với Chúa Kitô, khuôn mẫu của bạn, và do đó, không để bạn có lý do nào để bám lấy Người ngoại trừ vì chính Người.

Đôi khi người ta cho rằng nền thần học này, và lòng đạo đức khiêm nhường phục tùng đau khổ thiêng liêng vốn đi kèm với nó, hẳn phải giầy vò đến nỗi nó chỉ đổ thêm dầu vào nỗi thống khổ thiêng liêng của Luther và việc ông đi tìm kiếm Đấng Thiên Chúa nhân từ. Nhưng có rất ít bảo đảm cho điều này trong các bản văn. Ngược lại, Luther dường như thấy điều đó có tính an ủi. Mặc dù nó ngăn cản sự tin tưởng phi biện chứng vào lòng thương xót của Thiên Chúa, điều mà Luther sau này sẽ giảng dạy, nhưng nó cho phép tội nhân khao khát Thiên Chúa dưới chân thập giá có một loại đảm bảo nghịch lý, một cảm thức ít nhất được ở một nơi thích hợp trước mặt Thiên Chúa, một điều duy trì trái tim và cho phép nó bền bỉ đến cùng. Trong một loại “tuyệt vọng đầy tín thác”, tội nhân, bị ơn thánh làm cho đau khổ, nhận ra trong những đau khổ của mình bàn tay cứu rỗi của Thiên Chúa, Đấng mà tình yêu cứu chuộc đã tự bảo vệ mình khỏi bị lạm dụng bằng cách ẩn mình dưới điều đối lập biểu kiến. Không có bằng chứng thực sự nào cho thấy Luther coi sự an ủi này là không thỏa đáng; động lực để định hình lại tư tưởng của ông trong một cấu hình mới phát xuất từ truyền thống thần học, chứ không phải là những khao khát đầy lo lắng của một lương tâm bối rối.

III. “Thần học thập giá” ban đầu này là bối cảnh cho cuộc tấn công của Luther vào việc mua bán ân xá năm 1517. Điều khá quan yếu là nhận ra rằng ban đầu Luther không chỉ trích các ân xá là có tính vụ luật hoặc lo lắng rằng chúng sẽ khiến các tín hữu dựa vào các việc làm của chính họ để được cứu rỗi. Ngược lại, nỗi lo lắng mục vụ của ông về việc bán các ân xá là:

những người đơn sơ đang bị dẫn dắt sai vào việc nhầm lẫn coi việc xóa bỏ hình phạt bên ngoài với ơn thánh có tính đóng đinh bên trong vốn xua đuổi việc tìm kiếm bản thân.

Và vì vậy, chúng ta cần thận trọng kéo các ân xá... trở thành một nguyên nhân gây ra sự an toàn và biếng nhác và đánh mất ơn thánh bên trong nơi chúng ta. Trái lại, chúng ta hãy hành động cẩn thận để bệnh tật của bản tính chúng ta có thể được chữa lành hoàn toàn và chúng ta khao khát đến với Thiên Chúa vì tình yêu đối với Người, ghét bỏ đời này và ghê tởm chính chúng ta; nghĩa là, chúng ta hãy cần mẫn tìm kiếm ơn thánh chữa lành của Người.

Chính giữa mùa thu năm 1517 và mùa thu năm 1518, nghĩa là giữa cuộc tranh cãi lớn trong đó, Luther sớm nhận ra mình bị lôi kéo vào, hầu hết các học giả hiện nay định vị được khúc rẽ quan yếu trong suy nghĩ của ông. Vào cuối năm 1518, chủ đề khiêm tốn chịu đựng ơn thánh đời chúng ta chịu đóng đinh của Thiên Chúa đã lui vào hậu cảnh, không bị bác bỏ nhưng không còn là điểm tập chú nữa. Trung tâm mới của nền thần học ơn thánh của Luther đã trở thành sự bảo đảm đầy tin cậy của trái tim vào lòng thương xót đã hứa của Thiên Chúa trong Chúa Kitô, một điều mà sau này ông sẽ mô tả đơn giản như “đức tin nắm bắt được Chúa Kitô”, *fides apprehensiva Christi*.

Chúng ta có thể hiểu cụ thể hơn về chủ trương mới của Luther nhờ giác thư ông trình bày cho Đức Hồng Y Cajetan trong các phiên gặp gỡ hồi tháng 10 của họ ở Augsburg. Đức Hồng Y Cajetan đã thách thức việc Luther khẳng khái cho rằng những người đến với bí tích sám hối phải tin một cách tin tưởng rằng nhờ đó, họ nhận được ơn thánh và sự tha thứ của Thiên Chúa; lời biện hộ chính của Luther nại tới lời lẽ của Chúa Kitô trong Mátthêu 16:19:

"Muốn tránh nguy cơ bị án phạt đời đời và tội lỗi bất tín, điều cần thiết là phải tin các lời lẽ sau đây của Chúa Kitô: Sự gì các con tha ở dưới đất, cũng sẽ được tha ở trên trời. Cho nên, nếu bạn tiến đến bí tích sám hối và không tin chắc rằng bạn được tha thứ trên thiên đàng, bạn tiến đến sự phán xét và án phạt, bởi vì bạn không tin rằng Chúa Kitô đã nói điều đúng sự thật: Bất cứ điều gì các con tha, v.v., và do đó, do sự nghi ngờ của bạn, bạn khiến Chúa Kitô trở thành người nói dối, đó là một tội lỗi khủng khiếp.... Nhưng khi bạn tin lời lẽ của Chúa Kitô, bạn tôn trọng lời nói của Người và bởi việc làm này, bạn là người công chính, v.v."

Điều quan trọng nhất đã xảy ra với Luther vào năm 1518 là ông đã nghĩ lại nền thần học ơn thánh của mình trong bối cảnh nền thần học bí tích. Điều này quả là mới mẻ; Luther dường như đã không chú ý nghiêm túc đến nền thần học bí tích cho đến khi ông bị cuốn vào cuộc tranh cãi về ân xá. Nhưng trong cuộc tranh cãi đó, việc ông nhấn mạnh đến việc thanh tẩy bên trong trái tim bằng ơn thánh sẽ làm dấy lên câu hỏi về vai trò của các bí tích. Chỉ sau khi ông bắt đầu bị khuấy động bởi việc mua bán ân xá, chúng ta mới thấy ông lần đầu tiên xem xét các vấn đề bí tích một cách nghiêm túc trong các bài thuyết giảng của mình.

Vấn đề trong nền thần học bí tích chứng tỏ quan yếu đối với Luther là mối liên hệ giữa hành động bí tích bề ngoài, ơn thánh của Thiên Chúa, và đức tin cần có nơi người tham gia bí tích. Câu chuyện liên quan đến cuộc vật lộn của Luther với câu hỏi này, từ mùa hè năm 1517 đến mùa hè năm 1518, rất phức tạp. Chỉ riêng vào mùa xuân năm 1518, Luther đã công bố ba giải pháp khác nhau và loại trừ lẫn nhau cho vấn đề, trong đó có một giải pháp không thể phân biệt được với chủ trương sau đó có liên hệ với Zwingli.

Điều cuối cùng đã xuất hiện vào mùa hè năm 1518 từ sự suy nghĩ lại đầy hối hả này — bạn đọc nên nhớ rằng Luther đang cố gắng giải quyết vấn đề thần học trong khi cùng một lúc giải thích cho thế giới lý do tại sao ông không nên bị lên dàn hỏa vì tội lạc giáo — dường như đã

được lên khuôn chủ yếu nhờ sự suy gẫm về các bản văn như Mátthêu 16:19: “Bất cứ điều gì các con tha ở dưới đất, thì cũng được tha ở trên trời”. Đối với câu hỏi về các bí tích, Luther cuối cùng đã trả lời rằng hành vi bí tích cụ thể, bên ngoài, công khai trong Giáo hội là hành động của Chúa Giê-su Kitô. Khi chúng ta đến với bí tích, chúng ta đến với Chúa Giê-su Kitô: lời của Người, hành động của Người, thẩm quyền của Người.

Tập chú mới về các bí tích là điều mang lại cho nền thần học của Luther sau năm 1518 một hình dạng rất khác so với suy nghĩ ban đầu của ông, mặc dù ông vẫn tiếp tục quan tâm đến nhiều khía cạnh của cùng các vấn đề này. Điểm mâu chốt trong nền thần học ơn thánh trước đây của ông là sự mâu thuẫn đau đớn của Thiên Chúa về bản tính tội lỗi của con người, ở đây điểm mâu chốt của mọi thứ là thẩm quyền của Chúa Kitô, Đấng Cứu Thế, được thi hành cách cụ thể trong các dấu chỉ bí tích của Giáo Hội.

Đức tin ngày nay được xác định sắc nét bởi hoàn cảnh bí tích này: đức tin là sự cởi mở và thừa nhận thẩm quyền của Chúa Kitô trong việc thực thi bí tích cụ thể của nó. Không có điều kiện tiên quyết nào khác ngoài đức tin để lãnh nhận bí tích một cách hữu hiệu, vì bí tích tự nó là hành động công khai, trong đó Chúa Kitô ban ơn thánh của Người cho những kẻ vô đạo. Đời sống bí tích công khai của Giáo hội giờ đây được xem như là cứ điểm (locus) bảo đảm, chắc chắn, nơi diễn ra một cuộc thông hiệp (communication) cứu độ hoàn toàn phi biện chúng.

Sự hiểu biết sâu sắc rằng nền thần học bí tích là bản lề cho “tổng thể” tư duy của Luther vào năm 1518 được thừa nhận rộng rãi trong các tài liệu học thuật. Nhưng sự chuyển hướng này được mô tả khá sai lầm nếu chúng ta coi đó như một “sự quay lưng của Cải cách” đối với truyền thống Công Giáo. Ngược lại, tôi cho rằng đây là một khúc rẽ hướng về tâm điểm của truyền thống Công Giáo.

Hiệu quả thuần của tập chú mới nơi Luther vào thẩm quyền của Chúa Kitô trong dấu chỉ bí tích là bất chiến lược mâu thuẫn (contrariety) cũ phụ thuộc chiến lược đặc thù (particularity) mới, được tóm tắt rất hay trong một dòng của một trong những bài giảng sau này của Luther: “Chúng ta có một Chúa dứt khoát, một Chúa mà chúng ta có thể nắm bắt được”. Từ năm 1518 trở đi, chính tính đặc thù và cụ thể trong sự hiện diện của Thiên Chúa giờ đây đã loại bỏ việc thờ ngẫu tượng; Thiên Chúa thật, Đấng, theo định nghĩa, không thể bị sử dụng, là Thiên Chúa làm cho chính Người sẵn có đó theo quyết định của Người, bằng xương bằng thịt được sinh ra bởi Đức Maria và bằng việc thực hành bí tích của Giáo hội, chứ không phải trong suy đoán tôn giáo và tư lợi của chúng ta.

Trong cấu hình mới này, đức tin chắc chắn không còn can dự vào thứ biện chứng pháp bất tận của tín thác và tuyệt vọng nữa; thay vào đó nó là một niềm tin tưởng hoàn toàn phi biện chúng vào thẩm quyền rõ ràng của Chúa Kitô cứu thế hiện diện cụ thể trong Giáo hội của Người. Trong thần học sơ khai của Luther về thập giá, Thiên Chúa che giấu sự hiện diện cứu rỗi của Người trong sự giãy vò mà Người giáng xuống trên những kẻ được Người tuyển chọn; trong nền thần học trưởng thành, sự ẩn giấu nhân từ của Thiên Chúa chủ yếu là vấn đề về sự thấp hèn của Người, sự tự hủy (kenosis) của Người trong Chúa Con nhập thể, trong các dấu hiệu đã chọn của Người, và trong các thánh của Người. Các khổ đau thử thách của các tín hữu không còn đồng nhất với ơn thánh cứu vớt họ (mặc dù chúng thúc đẩy họ tìm kiếm ơn thánh đó và là bức màn che giấu khỏi kẻ kiêu hãnh và quyền thế của thế gian này). Ít nhất, thì sự hiện diện cứu độ của Thiên Chúa không có tính biện chứng hay mơ hồ.

Câu hỏi thực sự mà tôi phải đương đầu khi tiếp cận với bí tích sám hối là liệu tôi có tin rằng

Chúa Kitô nói sự thật khi Người nói rằng bất cứ điều gì Giáo hội tha ở dưới đất cũng sẽ được tha ở trên trời. Nếu tôi tin, thì tôi được kêu gọi đặt hết niềm tin thác vào thẩm quyền cứu rỗi của Người — và điều này có nghĩa tôi tuyên xưng rằng Chúa Kitô là Thiên Chúa thật. Nếu Đấng cho phép sự xá tội cho tôi là Thiên Chúa thật, thì quả thực tôi có thể có một sự bảo đảm hoàn toàn bất biện chứng về ơn cứu rỗi; câu trả lời này cho vấn đề mục vụ của lương tâm bối rối là một sản phẩm phụ thực tế quan trọng một cách sâu sắc trong việc đánh giá mới của Luther về các bí tích. Nhưng sự bảo đảm của đức tin này trước hết và trên hết là sự thờ phượng đích thực, sự thừa nhận Thiên Chúa ở trong Thần tính của Người, sự vâng phục và phục tòng của trái tim. Lo âu về sự không xứng đáng của tôi và cao ngạo cho rằng mình có công lao đều là các thất bại như nhau trong việc thừa nhận thẩm quyền của Thiên Chúa trong sự hiện diện cứu rỗi cụ thể của Người.

Nền thần học lúc ban đầu của Luther có tính “huyền nhiệm” theo nghĩa nó là một nền thần học tập chú vào việc biến đổi hữu thể nhân bản bằng việc kết hợp với Thiên Chúa. Nhìn vào sự phát triển của Luther trước năm 1518, chúng ta dám không tin rằng huyền nhiệm học của ông đang diễn biến theo hướng Công Giáo: các nền thần học quan tâm đến sự biến đổi bên trong và sự hiện diện thanh tẩy của Thiên Chúa, dù sao, cũng được biết như đã thoát ra ngoài truyền thống Công Giáo. Tương tự như vậy, người ta dám lo ngại rằng việc Luther thiếu quan tâm tương đối đến các bí tích, khá ngây thơ trong các bài giảng đầu tiên của ông về các thánh vịnh, đang ngày càng phần nào đáng ngại hơn khi ông thấy có thể trình bày Thư Rôma mà không cần đề cập đến phép rửa. Tương tự như vậy, nếu Luther tiếp tục khai triển Kitô học của mình theo đường lối của thần học thập giá, thì kết quả dám lật đổ tính qui Kitô (Christocentricity) hiển nhiên của ông bằng một loại Chủ nghĩa Độc vị (Unitarianism) về Chúa Thánh Thần, mà Chúa Kitô, cuối cùng, sẽ chỉ là nguyên mẫu, trong đó ơn thánh biến đổi của Chúa Thánh Thần được trình bày.

Về tất cả những khía cạnh này, “bước ngoặt” khởi xướng vào năm 1518 là một cuộc đi nhanh về cốt lõi của truyền thống Công Giáo, một sự tái khẳng định tâm điểm tín lý và bí tích của nó. Đối với Luther sau năm 1518, Chúa Kitô là trung tâm không phải như một khuôn mẫu mà như một con người; chúng ta được cứu bởi đức tin biết thừa nhận thẩm quyền, năng quyền và sự sẵn lòng của Người muốn giải cứu những ai kêu cầu Người. Tin mừng được công bố và được ban hành một cách bí tích trong Giáo Hội là lời kêu gọi chúng ta đặt trọn niềm tin thác nơi Chúa Giêsu, Con Đức Mẹ; do đó, Chúa Giêsu Kitô là ai và do đâu Người có thẩm quyền để hứa những điều đáng kinh ngạc như vậy trở thành những vấn đề thần học chính. Hoặc, như Luther đã trình bày nó trong các bài thuyết giảng của ông về Thánh vịnh 2 từ đầu những năm 1530, điều cấu thành Tin mừng là danh tính của Đấng mà nó chỉ về:

"Đây hẳn là một học thuyết mới. Tín lý cũ là: Hãy tin Thiên Chúa.... Lê luật thúc giục chúng ta làm việc; đó là điều cao nhất nơi Môsê. Nhưng ở đây không có lệ luật nào được đề xuất, không có sự đòi hỏi quá quắt mà là sự đánh đổ; điều đặt trước chúng ta không phải là các việc làm của chúng ta mà là Con Thiên Chúa. Nó cung ứng cho chúng ta một đối tượng, mà không phải là chúng ta, nhưng đúng hơn là: "Con Ta". Tín lý dứt khoát mà vị Vua và vị Thầy Kitô này muốn thúc giục và thực hiện là: không dạy lệ luật hay việc làm của chúng ta, mà là Chúa Kitô, Con Thiên Chúa, để người ta có thể nhìn vào Người.... Vì vậy, tín lý chính, và tổng hợp mọi tín lý vốn vượt quá Môsê, không phải là nghe lệ luật, điều tôi phải làm, nhưng là nghe đáng duy nhất hiện hữu.

Tín điều Kitô học, và với nó, tín lý Chúa Ba Ngôi, chính vì lý do trên, đã rõ ràng có tính cấu thành đối với nền thần học ơn thánh của Luther sau năm 1518 hơn nhiều so với các Bài giảng thuyết về Thư Rôma hay Cuộc Tranh Luận Heidelberg. Thật vậy, Luther có thể đồng nhất

một cách thẳng thắn tín công chính hóa với tín điều Kitô học của Giáo hội cổ xưa, như ông đã làm trong Bài giảng về chương 6 Tin Mừng Gioan:

“Bạn đã nghe nói rằng Người tự gọi mình là ‘Con Người’. Bằng cách này, Người muốn chứng tỏ rằng Người có máu thịt thật của chúng ta, máu thịt mà Người đã tiếp nhận từ Đức Trinh Nữ Maria, nơi có sự sống vĩnh cửu. Đó là tín điều công chính hóa: Chúa Thánh Thần muốn không ai trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng học, biết, tưởng tượng, nghe, hoặc chấp nhận một Thiên Chúa nào khác ngoài vị Thiên Chúa này, Đấng mà thịt và máu mà chúng ta in sâu và nắm giữ trong trái tim nếu chúng ta muốn được cứu rỗi.... Bạn sẽ tìm thấy Thiên Chúa trong xác thịt và máu huyết của Người; đó là nơi Người đã định vị chính Người, ở đó bạn sẽ gặp Người, nơi Con Người đang hiện diện”.

Và cùng điều ấy cũng đúng đối với hệ thống bí tích Công Giáo. Sau năm 1518, Luther nói khá rõ ràng rằng chính trong và thông qua việc thực hiện công khai các dấu hiệu bí tích trong Giáo hội hữu hình, mà ơn thánh được ban cho những ai tin. Thần học huyền nhiệm của ông về ơn thánh vô tạo (*uncreated grace*), cuộc gặp gỡ có tính thanh tẩy với Thiên Chúa trong chính Thiên Tính của Người, do đó, được cột chặt vào việc giảng dạy và nghi lễ của Giáo hội như là cứ điểm (*locus*) cụ thể của sự hiện diện chắc chắn, phi biện chứng của Thiên Chúa. Thật vậy, điều sau đây đã trở thành một tiên đề (*axiom*) thần học minh nhiên đối với Luther: ơn thánh bên trong và thiêng liêng chỉ được ban cho trong và qua việc thực hành bí tích công khai, có tính thân xác, của Giáo hội.

Do đó, những lập luận thiếu kiên nhẫn của Luther đối với việc cải cách thực hành bí tích và thần học, và việc ông thường xuyên chế giễu các tập quán và quan điểm đã được tiếp nhận, không nên làm lu mờ điều có thể gọi là cam kết “Công Giáo sâu sắc” của ông đối với tính bí tích của ơn thánh, với những âm hưởng Giáo phụ không thể nhầm lẫn của nó. Đối với Luther và các Giáo phụ cũng vậy, việc thờ phượng của *ekklesia* (Giáo Hội) là lễ hiến linh huyền nhiệm của *philanthropia* (lòng từ thiện) của Thiên Chúa trong Chúa Kitô. Không phải ngẫu nhiên mà công trình chính của Luther vào năm 1519 là một loạt bài giảng mô tả cách thức mà sự tồn tại của Kitô hữu được xây dựng và hình thành bởi các bí tích.

IV. Cách đọc này về sự phát triển của Luther gợi ý rằng cuộc ly giáo phương Tây, thay vì là hậu quả lịch sử thích đáng của một bất đồng có nguyên tắc về thần học, thực sự là một chương các tai nạn bi thảm. Không có cơ sở lịch sử nào để tin rằng cuộc ly giáo là hậu quả tất yếu của nền thần học ơn thánh nơi Luther. Ngược lại, có một lần khi các đề xuất thần học của Luther nhận được một cuộc điều trần khá thận trọng của một đại diện Giáo hội Rôma, tại các cuộc gặp gỡ của ông với Đức Hồng Y Cajetan ở Augsburg vào năm 1518, kết luận người ta có được là học thuyết công chính hóa nhờ đức tin của ông không lạc giáo một cách hiển nhiên hoặc đối lập rõ ràng với truyền thống Giáo hội. Dù Cajetan chỉ hiểu quan điểm của Luther một cách không hoàn hảo, và coi chúng là liều lĩnh và sai lầm, ngài vẫn sẵn sàng khuyến cáo để chúng được thảo luận và xem xét thêm trước khi đưa ra phán quyết cuối cùng.

Ly giáo là hậu quả ngẫu nhiên của *Causa Lutheri* (vụ án Luther) bị xử lý một cách tồi tệ, tức cuộc khảo sát của giáo hội về tính chính thống của Luther vào năm 1518–1519, và cuộc tranh cãi về thẩm quyền giảng dạy mà nó đã vướng vào. Về phía Luther, việc đoạn tuyệt cuối cùng với các nhà chức trách Giáo hội xảy ra sau sắc chỉ của Đức Lêô X vào tháng 11 năm 1518; trong văn kiện đó, như Luther thấy, Đức Lêô tự gán cho mình quyền được ấn định giáo huấn của Giáo hội mà không chịu trách nhiệm giải trình trước Kinh thánh, các Giáo phụ, hoặc các điều giáo luật cổ xưa. Điều này dẫn Luther cuối cùng đến kết luận cho rằng Giáo hội Rôma đã cam kết bất phản hồi đối với chủ trương cho rằng thẩm quyền của giáo hoàng còn đứng

trên cả Kinh thánh và chính trong bối cảnh đó, trong vài năm tiếp theo, ông đã tin rằng ngôi giáo hoàng là Kẻ Phản Kitô của những ngày sau hết từng được tiên báo, một niềm tin mà sau đó ông đã giữ vững cho đến ngày qua đời với một lòng nhiệt thành theo nghĩa đen nhất mà các nhà diễn giải hiện đại của ông hiếm khi sẵn sàng xem xét một cách nghiêm túc như ông.

Khi Luther tiến đến chỗ tin chắc rằng ngôi vị giáo hoàng là Kẻ Phản Kitô, tất cả năng lực trong viễn kiến thần học của ông đã được vận dụng vào các lực lượng đã hoạt động để làm tiêu tan sự hợp nhất của Giáo hội; điều này hơn bất cứ điều gì khác đã làm cho sự ly giáo không thể nào tránh khỏi. Có đủ đáng trách để qui kết hậu quả bi thảm và vô nghĩa này. Sự cùn nhụt thần học của các nhà thần học ở triều đình Rôma (ngoại trừ Cajetan một phần), sự bất lực hoặc không sẵn lòng của các thẩm quyền Rôma trong việc chiếm hữu làm của mình các truyền thống giáo hội học tốt nhất của họ, và ảnh hưởng bất nhân của chính trị tài chính đối với việc xử lý các vấn đề tín lý đều đóng một vai trò đáng kể, cũng như sự thiếu kiên nhẫn và tức giận của Luther, việc ông không có khả năng tiếp nhận những lời dạy ngu ngốc và không thích đáng của giáo hoàng một cách bình tĩnh (có lẽ vì quan điểm ban đầu của ông về chức vụ giáo hoàng không thực tế chẳng), cũng như xu hướng bi kịch hóa tình huống của mình theo những thuật ngữ khái huyền. Hơn nữa, bi kịch này gia trọng thêm trong lối đọc mà tôi đã đề xuất, bởi sự kiện nghịch lý này là về mặt thần học chất thể, Luther của năm 1519 rõ ràng đã công bình hơn đối với những xác tín cốt lõi của truyền thống Công Giáo hơn là Luther của năm 1517.